

# TỪ TINH THẦN LỤC HÒA CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT TRONG ĐẢNG NHỮNG TƯƠNG ĐỒNG PHỔ QUÁT

ThS NGUYỄN THỊ THU TRANG

*Học viện Chính trị khu vực III*

**S**ự đa dạng của các trường phái trong dòng chảy tư tưởng, triết thuyết nhân loại, dù phản ánh nét khác biệt trên nhiều khía cạnh trong quá trình nhận thức và tổ chức thực tiễn, vẫn đi đến sự gần gũi, tương đồng trên những giá trị phổ quát. Được hình thành trên cơ sở kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, tư tưởng Hồ Chí Minh đã hội tụ nhiều giá trị tốt đẹp có tính phổ quát. Một trong những minh chứng có tính thuyết phục là sự tương đồng trên những giá trị phổ quát giữa tinh thần lục hòa của Phật giáo với tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể về đoàn kết trong Đảng.

1. Trong giáo lý Phật giáo, pháp Lục hòa có một ý nghĩa quan trọng và tác động lớn đến đời sống, sinh hoạt của cộng đồng tăng chúng. Pháp Lục hòa được xem là căn cốt cho nếp sống cộng đồng Tăng đoàn. Phật giáo cho rằng, việc thực hành pháp Lục hòa sẽ tạo sự hòa hợp, hòa kính, hạnh phúc và an lạc cho các tín đồ và cho cả cộng đồng Tăng đoàn, từ đó đưa đến sự yêu thương, hòa hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.

Pháp Lục hòa là một tổng thể gồm sáu phương pháp cư xử để tạo ra sự hòa hợp, gắn kết và yêu thương giữa các cá nhân trong một tập thể, một cộng đồng, một tổ chức; giữa các tập thể, cộng đồng với nhau từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Về khái niệm pháp Lục hòa, theo các văn bản của các kinh luận khác nhau thì có sự khác nhau về

cách sử dụng từ ngữ cũng như cách sắp xếp thứ tự của sáu pháp, nhưng về mặt nội dung thì cơ bản là giống nhau. Thông thường, trong thọ trì, thì nội dung của pháp Lục hòa được hiểu theo tinh thần như sau:

- *Thân hòa đồng trụ* (thân hòa cùng ở chung), nghĩa là cùng dưới một mái nhà, trong một phạm vi, một tổ chức, sớm hôm có nhau, cùng ăn, cùng ở thì phải hòa thuận với nhau, không được dùng uy quyền, sức mạnh để lấn áp nhau; không được chia bè phái. Là đồng bào cùng chung sống trong một quốc gia, xã hội thì phải lấy sự đoàn kết làm đầu. thế giới cũng vậy, phải lấy dân chủ, đoàn kết làm trọng.

- *Khẩu hòa vô tránh* (lời nói hòa hợp, không cãi cò): không nói với nhau những lời gây chia rẽ bất hòa làm tổn thương nhau; khi ở bên cạnh nhau thì lời nói phải giữ cho ôn hòa, nhã nhặn. Không tranh cãi nhau nhưng có thể góp ý cho nhau trên tinh thần hòa hợp. Nếu có gì thắc mắc phải bàn bạc với nhau cho ra lẽ nhưng phải dùng lời nói ôn hòa. Trong mọi trường hợp nhất thiết không được gây sự, cãi cò nhau.

- *Ý hòa đồng duyệt* (ý hòa cùng vui): Phật giáo cho rằng, ý chính là động cơ thúc đẩy miệng (lời nói) và thân (hành động), kẻ công hay kẻ tội thì cũng xuất phát từ ý, lấy ý làm căn cốt. Bởi vậy, trong mỗi đoàn thể, mỗi người cần phải giữ ý tứ, tâm địa của mình cho chính. Đức Phật dạy chúng sinh sống chung với nhau phải có tâm ý hòa hợp, vui vẻ và biết thông cảm

với ý kiến, quan điểm của người khác. Nếu ý tưởng hiền hòa, vui vẻ thì hành động và lời nói mới giữ được hòa khí, an vui, đoàn kết.

- *Giới hòa đồng tu* (giới hòa cùng tu tập): có nghĩa là, trong mỗi tổ chức, mỗi đoàn thể đều có trật tự, giới luật, quy củ hẳn hoi. Bởi vậy, trong mọi đoàn thể đạo hay đời, nếu không cùng nhau giữ gìn giới điều, kỷ luật, quy định, quy tắc, thì chúng ta không bao giờ sống chung với nhau được. Cho nên muốn đoàn kết phải cùng nhau thống nhất làm việc, cùng nhau giữ giới luật, quy định, quy tắc.

- *Kiến hòa đồng giải* (thấy biết giải bày cho nhau hiểu): trong quá trình chung sống, mỗi người hiểu biết điều gì phải giải bày, chỉ báo cho người khác biết. Như thể trình độ hiểu biết mới không chênh lệch, sự tu học mới tiến đều về tinh thần bình đẳng mới dễ giữ vững giữa những người cùng ở một đoàn thể. Nếu người biết đúng và hiểu đúng mà không giảng giải cho người khác biết đúng sai thì dễ dẫn đến chia rẽ và làm hại nhau.

- *Lợi hòa đồng quân* (lợi hòa cùng chia): về tài lợi, vật thực, đồ dùng cần phải phân chia một cách rõ ràng, bình đẳng. Mọi người nên cùng nhau sử dụng, không được chiếm làm của riêng hay chiếm phần nhiều hơn. Xã hội có sự bất bình đẳng cũng vì không biết *lợi hòa đồng quân*.

Pháp Lục hòa là cơ sở, nền tảng quan trọng tạo ra sự hòa hợp, đoàn kết trong cộng đồng Phật giáo. Sáu nguyên tắc sống hòa hợp này đã nêu bật được tinh thần trách nhiệm chung, cởi mở, tự do, dân chủ để xây dựng đời sống cộng đồng xã hội tốt đẹp. Có thể khẳng định rằng, Phật giáo tồn tại và phát triển qua hàng nghìn năm cũng là nhờ dựa trên nền tảng pháp Lục hòa.

Từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam và được Việt hóa thông qua mạng lọc - hệ giá trị văn hóa Việt Nam với dòng chủ lưu là chủ nghĩa yêu nước - nhân văn. Triết lý Phật giáo nói chung và pháp Lục hòa nói riêng đã thấm sâu vào đời sống tinh thần của người Việt, ăn sâu vào đời sống và trở thành lối sống của phần lớn người Việt. Trong dân gian có câu: *Thuận vợ, thuận chồng tát Biển Đông cũng cạn; Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao; Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn...*

2. Khi ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã là một đại diện tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam. Người mang trong mình một hành trang lớn nhất và duy nhất đó là truyền thống văn hóa cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, trong suốt hành trình đi tìm đường cứu nước từ thân phận của những người lao động cùng khổ, cho đến sau này khi trở thành một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh cũng luôn giữ vững, bồi dưỡng và nâng tầm văn hóa của bản thân, dân tộc lên ngang tầm thế giới và thậm chí vượt thời đại. Những giá trị văn hóa cao đẹp của dân tộc, của phương Đông đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nguồn gốc lý luận hình thành tư tưởng, phương pháp của Hồ Chí Minh và cũng được toát lên một cách tự nhiên trong phong cách làm việc, ứng xử và sinh hoạt hằng ngày của Người. Chính vì vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong Đảng nói riêng, chúng ta dễ dàng nhận thấy ở đó có sự tương đồng ở những giá trị phổ quát giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng Phật giáo.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng như là một “cơ thể sống”, được cấu thành từ những tổ chức, trong đó tổ chức gốc rễ là *chi bộ*. Trong từng chi bộ, mỗi đảng viên đóng vai trò như một “tế bào”, tạo nên “sức sống” của chi bộ. Trên chi bộ là chi ủy, trên chi ủy có huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy lên đến Trung ương. Được thiết kế như “một cơ thể sống”, bộ máy Đảng được tổ chức và hoạt động theo một hệ thống các nguyên tắc, trong đó, nguyên tắc “xương sống” là nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đây là nguyên tắc cơ bản nhất đưa đến sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng. Ở đây, không đi vào phân tích nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ mà chỉ làm rõ tư tưởng, phương pháp Hồ Chí Minh khi thực hiện nguyên tắc này để tạo ra sự đoàn kết, thống nhất đưa đến sức mạnh to lớn của Đảng.

Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* được viết vào năm 1953 (ở mục 42 - *Chế độ dân chủ tập trung*), Bác đã trình bày cụ thể, rõ ràng về nội dung của nguyên tắc *dân chủ tập trung*, đến phần cuối cùng, Người đưa ra kết luận: “Nói tóm lại: Để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng *dân chủ* (thật thà tự phê bình

và phê bình), thực hành lãnh đạo *tập trung*, nâng cao tính tổ chức và tính kỷ luật”<sup>1</sup>. Cụ thể:

*Thứ nhất, phải mở rộng thực hành dân chủ trong Đảng*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mọi quyền lực của cơ quan lãnh đạo của Đảng là do quần chúng đảng viên giao phó. Người viết: “Quyền lực của cơ quan lãnh đạo là do *quần chúng* đảng viên giao phó cho, chứ không phải tự ai tranh giành được. Vì vậy, người lãnh đạo phải gần gũi và học hỏi quần chúng đảng viên, nghe ngóng ý kiến của họ”<sup>2</sup>. Do vậy, thực hành dân chủ trong Đảng là thực hành sự gần gũi, hòa đồng, thân thiện, cởi mở với quần chúng đảng viên; thực hành sự lắng nghe ý kiến, ghi nhận, học hỏi, tiếp thu ý kiến của quần chúng đảng viên. Theo Hồ Chí Minh, có mở rộng thực hành dân chủ trong Đảng, thì quần chúng đảng viên mới mạnh dạn nêu ra ý kiến góp ý vào chính sách, nghị quyết của Đảng, chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, sai lầm của cán bộ đảng viên lãnh đạo, đóng góp sáng kiến cho Đảng. Được khuyến khích đóng góp ý kiến, sáng kiến được ghi nhận, được khen thưởng sẽ nâng cao thêm lòng hăng hái, nhiệt tình trong xây dựng Đảng. Muốn vậy, Đảng phải thực hành cách lãnh đạo dân chủ. Bác thường dùng những cụm từ “thực hành”, “mở rộng”, “rộng rãi” đi kèm với cụm từ “dân chủ” để nhắc nhở, nhấn mạnh việc thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, nhấn mạnh đến việc chú ý, quan tâm, lắng nghe, tôn trọng, học hỏi, tiếp thu ý kiến của mọi quần chúng đảng viên.

Ngược lại, quần chúng đảng viên cũng có quyền đóng góp ý kiến cho Đảng. Quần chúng đảng viên có quyền tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào nghị quyết, chính sách của Đảng, có quyền phê bình cán bộ lãnh đạo, công việc của các cơ quan Đảng. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, (ở mục 41, *Quyền lợi của đảng viên*), Người viết: “mọi đảng viên có quyền tự do phát biểu ý kiến của mình (trên báo chí và trong hội nghị của Đảng), dù ý kiến ấy không đồng ý với ý kiến của đại đa số, không ai được ngăn cấm”<sup>3</sup> và “Trong các cuộc hội nghị của Đảng có quyền phê bình đảng viên và cán bộ, phê bình công tác của các cơ quan Đảng”<sup>4</sup>. Người luôn nhắc nhở và chỉ ra rằng vẫn còn tình trạng cán bộ, đảng viên ít có ý kiến, ít sáng kiến, ít hăng hái là do cách lãnh đạo của Đảng

không được dân chủ. Vì cách lãnh đạo không được dân chủ nên quần chúng đảng viên không dám đưa ra ý kiến, không dám phê bình, nguy hại hơn của vấn đề này là tích tiểu thành đại, sinh ra uất ức, bất mãn. Và do tâm lý uất ức, bất mãn sẽ dẫn đến hành vi tiêu cực, không lắng nghe, tiếp thu sự lãnh đạo của Đảng, dần dần đưa đến sự mất đoàn kết trong Đảng. Người viết: “Một người mà trong óc họ đã có uất ức, bất mãn, thì lời hay lẽ phải khó lọt vào bộ óc đó. Để tháo cho họ cái uất ức, bất mãn đó ra, thì lời hay lẽ phải dễ lọt vào óc họ”<sup>5</sup>. Do vậy, phải thật thà thực hành dân chủ trong Đảng. Người viết: “Kinh nghiệm là: cơ quan nào trong lúc khai hội, cấp trên để cho mọi người có gì nói hết, cái đúng thì nghe, cái không đúng thì giải thích, sửa chữa, ở những cơ quan đó mọi người đều hoạt bát”, cho nên “Cấp trên cũng nên thỉnh thoảng trung cầu ý kiến phê bình của cấp dưới”<sup>6</sup>.

Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh với ý nghĩa sâu sắc nhất là ở chỗ, nó giải phóng cái cội nguồn sinh ra lời nói và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên. Đó chính là bắt đầu từ trong tư tưởng của mỗi cán bộ, đảng viên. Theo Hồ Chí Minh, trong sinh hoạt chi bộ, tư tưởng của mỗi cán bộ, đảng viên phải được tự do, họ có quyền tự do bày tỏ ý kiến của mình đối với mọi vấn đề của Đảng, tự do thảo luận, tranh luận để góp phần tìm ra chân lý. Chính vì vậy, trong sinh hoạt Đảng, người lãnh đạo phải tạo ra một môi trường thật sự dân chủ rộng rãi, đảm bảo trong các buổi sinh hoạt chính trị của Đảng, mọi đảng viên, kể cả quần chúng đảng viên tự do đưa ra ý kiến, tự do thảo luận, dám phê bình cán bộ lãnh đạo, góp phần tạo ra sự vững mạnh và đoàn kết trong Đảng. Như vậy, giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong Đảng và tư tưởng Lục hòa của Phật giáo có hội tụ những nét tương đồng phổ quát. Nếu như ở Phật Lục hòa của Phật giáo, dạy rằng trong sinh hoạt cộng đồng, cần chú ý đến việc giải phóng từ cái *Tâm*, cái *Ý* của chúng sinh, đưa cái *Ý*, cái *Tâm* của họ trở về trạng thái cân bằng, chân chính, vui vẻ, hiền hòa vốn có của nó, mới dẫn đến lời nói và hành động chân chính, mới đưa đến sự hòa hợp, gắn kết, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong một cộng đồng, tổ chức; thì trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong sinh hoạt Đảng, cần phải đảm bảo cho tư tưởng của mỗi cán bộ,

đảng viên phải thực sự được tự do, khi đó họ mới tự do giải bày những vướng mắc, khó khăn, bày tỏ ý kiến, đưa ra sáng kiến, và dám phê bình, góp ý cho đồng chí của mình, nhất là đồng chí lãnh đạo, đồng thời, người lãnh đạo cũng phải để cho tư tưởng của mình ở trạng thái tự do, cái tâm của mình ở trạng thái cân bằng, trong sáng để lắng nghe mọi ý kiến góp ý của quần chúng đảng viên, có như vậy bộ máy của Đảng mới ngày càng vững mạnh và đoàn kết.

*Thứ hai, phải thật thà tự phê bình và phê bình trong Đảng*

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình là một nguyên tắc sinh hoạt của Đảng. Nguyên tắc này là nguyên tắc phái sinh, xuất phát từ nội dung, yêu cầu của nguyên tắc tập trung dân chủ. Mục đích của thực hành tự phê bình và phê bình là hướng đến sự tiến bộ trong công việc, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Có sự thống nhất, đoàn kết chặt chẽ trong Đảng sẽ đưa đến sự lãnh đạo đúng đắn và cách mạng giành nhiều thắng lợi. Người viết: “Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ”<sup>7</sup>. Vì vậy, Người yêu cầu “các cán bộ, đảng viên, mỗi người, mỗi ngày phải thiết thực tự kiểm điểm và kiểm điểm đồng chí mình. Hễ thấy khuyết điểm phải kiên quyết tự sửa chữa, và giúp đồng chí mình sửa chữa. Phải như thế, Đảng mới chóng phát triển, công việc mới chóng thành công”<sup>8</sup>.

Với mục đích phê bình là cốt để đồng chí, đồng nghiệp tiến bộ trong công việc, đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, cho nên chỉ phê bình cách thức, hiệu quả làm việc, chứ không phê bình ở khía cạnh con người. Đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến cách thức phê bình nhằm hướng đến đạt hiệu quả trong sửa đổi và làm tốt hơn trong công việc. Theo Người, để người được phê bình tiếp thu và sửa đổi, người phê bình cần phải dùng lời nói dễ nghe, thấu tình, đạt lý. Phê bình phải với một thái độ yêu thương, chân thành. Đồng thời, trong thực hành phê bình, người phê bình phải chỉ rõ khuyết điểm, chỉ rõ nguyên nhân và hoàn cảnh của khuyết điểm và đưa ra cách khắc phục, sửa chữa khuyết điểm; còn người được phê bình phải có tinh thần cởi mở, cầu thị, dám thừa nhận và sửa chữa khuyết điểm của mình. Mặt

khác, Người cũng luôn nhắc nhở, trong phê bình “chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đăm thọc”<sup>9</sup>, không được đối xử với người có khuyết điểm, sai lầm “như đối với hổ mang, thường luông”<sup>10</sup> và đòi đuổi họ ra khỏi Đảng ngay, không được lợi dụng phê bình “để công kích, để nói xấu, để chửi rủa”<sup>11</sup>. Bởi lẽ, “Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người”<sup>12</sup> - một việc làm mang tính văn hóa và nhân văn sâu sắc. Nói tóm lại, trong công tác, trong đấu tranh, cán bộ, đảng viên phải luôn luôn “dùng và khéo dùng cách phê bình và tự phê bình, thì khuyết điểm nhất định hết dần, ưu điểm nhất định thêm lên và Đảng ta nhất định thắng lợi”<sup>13</sup>.

Rõ ràng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc thực hành tự phê bình và phê bình, từ mục đích, đến đối tượng, phương pháp, cách thức, thái độ đều mang tính nhân văn của chủ nghĩa cộng sản, đồng thời, cũng “gần gũi” với lòng yêu thương con người, lòng từ bi, tinh thần *ý hòa đồng duyệt, khẩu hòa vô tránh, kiến hòa đồng giải* của pháp Lục Hòa trong Đạo Phật. Hồ Chí Minh là một nhà mácxít mang đậm bản sắc văn hóa phương Đông, trong đó, văn hóa của Phật giáo là một bộ phận quan trọng. Người đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời, cũng là người đã dày công, trần trở trong công tác xây dựng Đảng, mong muốn làm sao cho Đảng ta ngày càng vững mạnh, đoàn kết lãnh đạo xây dựng thành công một chế độ xã hội mà ở đó mọi người được sống trong tự do, ấm no, hạnh phúc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mọi nguyên tắc xây dựng Đảng, đặt biệt là nguyên tắc tự phê bình và phê bình phải được đặt trên nền tảng “tinh đồng chí yêu thương” lẫn nhau. Đó chính là sự hội tụ giữa tình yêu thương con người, lòng từ bi của Phật giáo với tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh.

*Thứ ba, phải nâng cao tính tổ chức, kỷ luật trong Đảng.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, để tạo ra sự đoàn kết và sức mạnh của Đảng, cùng với việc phải mở rộng thực hành dân chủ, nghiêm chỉnh và thường xuyên thật thà tự phê bình và phê bình, mỗi đảng viên phải nâng cao tính tổ chức và tính kỷ luật Đảng. Theo Hồ Chí Minh, Đảng là một tổ chức có kỷ luật rất nghiêm và đòi hỏi mỗi đảng viên phải chấp hành kỷ luật Đảng một cách nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật “sắt” nhưng được thực hiện dựa trên tinh thần

tự giác của mỗi đảng viên. Đảng ra đời là nhằm mục đích lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, nên nó không có lợi ích tự thân mà lợi ích của Đảng phải nằm trong lợi ích dân tộc, phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Trong điều lệ kết nạp Đảng, ai mà tán thành mục tiêu vào Đảng để đấu tranh cho nền độc lập dân tộc và hạnh phúc của Nhân dân thì tự giác viết đơn xin vào Đảng. Do đó, khi vào Đảng, lợi ích của đảng viên phải nằm trong lợi ích của Đảng và mọi đảng viên phải tự giác phục tùng cho lợi ích của Đảng, đặt lợi ích của Đảng lên trên lợi ích cá nhân. Người viết: “Lợi ích của dân tộc, gồm có lợi ích của Đảng. Lợi ích của Đảng, gồm có lợi ích của đảng viên”<sup>14</sup>. Do vậy, mỗi đảng viên là đại diện cho lợi ích của dân tộc, và “phải cố gắng cho xứng đáng là một người trong những người đại biểu cho dân tộc”<sup>15</sup>. Như vậy, vào Đảng để đấu tranh cho lợi ích dân tộc, lợi ích Nhân dân, là hoàn toàn xuất phát từ tinh thần tự nguyện, tự giác của mỗi người. Và khi đã tự nguyện đứng vào hàng ngũ của Đảng, mỗi đảng viên phải tự giác tuân thủ và chấp hành kỷ luật Đảng. Người viết: “Không ai bắt buộc ai vào Đảng làm chiến sĩ xung phong. Đó là do sự “tự giác”, lòng hăng hái của mỗi người mà tình nguyện làm đảng viên, làm chiến sĩ xung phong”<sup>16</sup>.

Tính kỷ luật Đảng của mỗi đảng viên được thể hiện cao nhất ở việc phải luôn luôn chấp hành nghị quyết, chính sách của Đảng, phục tùng và đấu tranh cho lợi ích của Đảng, giữ gìn và bảo vệ lợi ích của Đảng. Chính nhờ tính kỷ luật cao (dựa trên tinh thần tự giác) của mỗi đảng viên mà đưa đến sự đoàn kết, thống nhất, sức mạnh của Đảng và đưa đến sự thành công của cách mạng. Người viết: “Nhờ kỷ luật mà Đảng đoàn kết, nhất trí, mạnh mẽ, để lãnh đạo nhân dân đến thắng lợi. Sự nghiệp cách mạng của Đảng do đảng viên mà hoàn thành, cho nên mọi đảng viên phải thật thà chấp hành chính sách và nghị quyết của Đảng. Lợi ích của Đảng là lợi ích chung, đảng viên phải ra sức giữ gìn nó, cái gì trái với nó thì đảng viên phải kiên quyết đấu tranh chống lại”<sup>17</sup>.

Tư tưởng và phương pháp nâng cao tính kỷ luật của đảng viên để đưa đến sự đoàn kết, nhất trí, mạnh mẽ trong Đảng của Hồ Chí Minh được hình thành dựa trên nền tảng quan điểm của Lênin về xây dựng

Đảng kiểu mới, nhưng khi vận dụng vào điều kiện của Việt Nam, thì tư tưởng, phương pháp đó lại mang những đặc sắc riêng của Hồ Chí Minh, một người Việt Nam am hiểu sâu sắc văn hóa của Phật giáo, trong đó có tinh thần *giới hòa đồng tu* của pháp Lục Hòa. Nếu như trong Pháp Lục hòa của Phật giáo, trong sinh hoạt của các tổ chức Phật giáo, cần tuân theo giới luật, trật tự, quy định, quy tắc để tạo ra sự gắn kết chặt chẽ trong cộng đồng Tăng đoàn, thì trong sinh hoạt Đảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải chấp hành nghiêm minh kỷ luật của Đảng mới tạo ra sự đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *sự đoàn kết trong Đảng* là vô cùng quan trọng, đặc biệt là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo, là cơ sở của đại đoàn kết toàn dân, đại đoàn kết dân tộc. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”<sup>18</sup>. Cùng với việc căn dặn Đảng phải chú ý giữ gìn sự đoàn kết, Bác cũng đã chỉ ra những giải pháp cơ bản nhất để giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng. Đó là: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”<sup>19</sup>.

Sự tương đồng trên những giá trị phổ quát của những tư tưởng tiên bộ cũng tự nhiên như các dòng sông đều quy về biển cả. Đức Thích ca trong triết lý của mình luôn hướng đến sự đoàn kết, hòa thuận, làm lợi lạc và giải phóng cho chúng sinh. Hồ Chí Minh cả cuộc đời không có mục tiêu gì hơn là đoàn kết để làm cách mạng vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Suy cho cùng, có sự tương đồng về mục tiêu, và từ đó, nội dung tư tưởng dù với những thể hiện khác nhau đều có sự gắn gũi về những giá trị phổ quát. Điều đó thể hiện rõ nét trong tinh thần Lục hòa của Phật giáo và tư tưởng đoàn kết trong Đảng của Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 8, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 287.

cần thiết. Thực tế ở nước ta trong những năm qua đã cho thấy điều này.

- Thị trường được mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa. Việt Nam đã và đang tích cực, chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, quan hệ kinh tế thương mại với các quốc gia, các khu vực thị trường ngày càng hiệu quả. Mở rộng thị trường theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa sẽ tránh được sự lệ thuộc vào một vài thị trường, linh động giải quyết được mối quan hệ cung cầu, tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế. Đến nay, Việt Nam đã có 16 đối tác chiến lược, 12 đối tác hợp tác toàn diện, đã ký kết và hợp tác hiệu quả với 13 Hiệp định Thương mại tự do (FTA), trong đó có các Hiệp định tiêu chuẩn cao, thị trường rộng lớn là CPTPP, EVFTA<sup>12</sup> và RCEP được ASEAN và các đối tác ký kết vào ngày 15 - 11 - 2020. RCEP là Hiệp định Thương mại tự do (PTA) do ASEAN ký kết với 5 quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, có thị trường 2,2 tỷ dân, khoảng 30% dân số thế giới, chiếm 30% GDP và 28% giá trị Thương mại toàn cầu. Đến năm 2020 giá trị trao đổi thương mại đạt 26.200 tỷ USD, lớn hơn cả châu Âu và Bắc Mỹ cộng lại<sup>13</sup>.

- Tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được nhân lên rộng rãi. Hiện nay tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo phát triển năng động và rộng khắp trong hầu hết các ngành, lĩnh vực. Mỗi năm, cả nước có hơn 100 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký bình quân hơn 1,8 lần so với năm 2015<sup>14</sup>. Nhiều lãnh đạo doanh nghiệp trẻ nhưng phát triển năng động, sáng tạo đã huy động được các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Cộng đồng quốc tế đã đánh giá cao đối với Việt Nam về vấn đề này. Việt Nam tiếp tục được xếp thứ 50/131 nền kinh tế đạt tiến bộ đáng kể nhất trong bảng xếp hạng đổi mới sáng tạo toàn cầu năm

2020<sup>15</sup>. Đây là điều đáng mừng, nó tạo ra xung lực mới, tác động tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Niềm tin của doanh nghiệp, của nhân dân tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Niềm tin là nguồn lực mềm cực kỳ quan trọng để biến thành hành động, để tạo ra của cải. Luật pháp, chính sách minh bạch, rõ ràng, đúng đắn tạo niềm tin cho nhà đầu tư, chính trị, xã hội ổn định, môi trường kinh doanh thuận lợi, một nền văn hóa đẹp đẽ, thân thiện, hòa bình sẽ tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nhiều nước trên thế giới đánh giá Việt Nam có môi trường hòa bình, thân thiện, ổn định sẽ là một trong những điểm đến hấp dẫn để đầu tư kinh doanh và du lịch. Theo các nhà phân tích, hiện nay có tới 70% doanh nghiệp của Mỹ, Nhật có ý định chuyển dịch từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Ở trong nước, lực lượng doanh nghiệp và nhân dân đều nhất trí với luật pháp, chính sách, có được sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, từ đó tạo ra sức mạnh huy động được các nguồn lực cho việc phát triển kinh tế, xã hội.

Kết hợp các nhân tố trên đây sẽ tạo điều kiện cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2021 và những năm tiếp theo.

1. tapchitaichinh.vn.

2. baoquocte.vn.

3. Vi.Wikipedia.org.

4. Nhân dân, ngày 09 - 12 - 2020.

5,6. Tổng cục Thống kê, số 245/BC-TCTK, ngày 27 - 12 - 2020.

7,8,9,10. Nhân dân, ngày 21 - 10 - 2020.

11. nhandan.com.vn, ngày 23 - 9 - 2020.

12. Nhân dân, ngày 21 - 10 - 2020.

13. Nhân dân, ngày 18 - 11 - 2020.

14. Nhân dân, ngày 21 - 10 - 2020.

15. baoquocte.vn

## TỪ TINH THẦN LỰC HÒA CỦA PHẬT GIÁO ĐẾN....

Tiếp theo trang 10

2. *Sđđ*, tr. 286.

3, 4. *Sđđ*, tr. 285.

5, 6. *Sđđ*, t. 5, tr. 284.

7. *Sđđ*, tr. 272.

8. *Sđđ*, tr. 273.

9. *Sđđ*, tr. 272.

10. *Sđđ*, tr. 304.

11. *Sđđ*, tr. 301.

12. *Sđđ*, tr. 272.

13. *Sđđ*, tr. 305.

14. *Sđđ*, tr. 293.

15, 16. *Sđđ*, tr. 293.

17. *Sđđ*, t. 8, tr. 284.

18, 19. *Sđđ*, t.15, tr. 621.